

KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM GIỐNG THANH LONG RUỘT ĐỎ Ở MIỀN BẮC

Nguyễn Thị Thu Hương¹, Trần Văn Lại², Vũ Mạnh Hải³,
Ngô Hồng Bình⁴, Đỗ Đình Ca⁴, Nguyễn Văn Nghiêm⁴,
Bùi Quang Đăng⁴, Nguyễn Quốc Hiếu⁵ và cs

TÓM TẮT

Thanh long (*Hylocereus undatus*) là loại cây ăn quả có giá trị xuất khẩu và hiệu quả kinh tế cao, đặc biệt là thanh long ruột đỏ, một giống mới chọn tạo đang có nhu cầu rất lớn không chỉ ở thị trường nước ngoài mà ngay cả ở thị trường trong nước. Kết quả khảo nghiệm giống thanh long ruột đỏ ở một số địa phương miền Bắc cho thấy chúng không chỉ sinh trưởng tốt tương tự giống thanh long truyền thống ruột trắng mà còn cho năng suất, chất lượng quả cao. Năng suất thanh long ruột đỏ năm 2007 đạt từ 15,7 - 20,1kg/trụ, thanh long ruột trắng chỉ đạt từ 4,3 - 13,5 kg/trụ trong cùng điều kiện khảo nghiệm.

Từ khóa: Thanh long ruột đỏ, hiệu quả kinh tế, giống.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cây thanh long (*Hylocereus undatus*) thuộc họ xương rồng, có nguồn gốc ở khu vực Trung và Bắc Mỹ, là loại cây ăn quả có giá trị xuất khẩu rất lớn, được trồng khá phổ biến ở một số tỉnh miền Nam từ năm 1990, với diện tích 5.000 ha và sản lượng hàng năm đạt khoảng 125.000 tấn.

Tuy nhiên, giống thanh long đang trồng hiện nay là giống thanh long ruột trắng, giá trị và hiệu quả kinh tế không cao bằng giống thanh long ruột đỏ, một giống mới được chọn tạo trong khoảng 10 năm trở lại đây.

Nhằm phát triển thanh long ở các tỉnh phía Bắc phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng và đa dạng hóa sản phẩm quả cho tiêu dùng trong nước, từ năm 2002 Viện Nghiên cứu Rau Quả đã nhập nội và thử nghiệm giống thanh long ruột đỏ tại một số địa phương ở các tỉnh miền Bắc.

II. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Nội dung nghiên cứu

Nghiên cứu khả năng sinh trưởng của các giống thanh long khảo nghiệm.

Nghiên cứu khả năng ra hoa, đậu quả, năng suất và chất lượng các giống thanh long khảo nghiệm

2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Thời gian nghiên cứu: 3 năm từ 2005 đến 2007.

- Địa điểm nghiên cứu:

Xã Kim Quan – huyện Thạch Thất – Hà Tây (cũ); Xã Trâu Quỳ – huyện Gia Lâm – Hà Nội; Phú Quý – Nghệ An; Xã Vân Trục – huyện Lập Thạch – Vĩnh Phúc.

3. Vật liệu, phương pháp nghiên cứu

a. Vật liệu

Giống thanh long vỏ đỏ ruột đỏ, nhập nội từ Đài Loan được ký hiệu là TL1. Giống đối chứng là giống thanh long vỏ đỏ ruột trắng, là giống địa phương được ký hiệu là TL2.

b. Phương pháp nghiên cứu

- Bố trí vườn khảo nghiệm với quy mô: Xã Kim Quan, huyện Thạch Thất, Hà Tây (cũ): 1ha trồng năm 2001. Viện Nghiên cứu Rau Quả, huyện Gia Lâm, Hà Nội: 0,7 ha trồng năm 2001. Trung tâm Cây ăn quả Phú Quý, Nghệ An: 0,5 ha trồng năm 2001. Xã Vân Trục - huyện Lập Thạch, Vĩnh Phúc: 4 ha trồng năm 2004.

Khoảng cách trồng 3 x 3 m, tương đương với mật độ trồng 1000 trụ/ha.

Chỉ tiêu theo dõi: Các giống thanh long khảo nghiệm được theo dõi các chỉ tiêu về khả năng sinh trưởng, ra hoa đậu quả, năng suất và chất lượng quả từ năm 2005 đến 2007. Mỗi chỉ tiêu theo dõi 10 - 30 cá thể. Tiến hành theo dõi mỗi giống 30 trụ.

¹Viện Nghiên cứu Rau Quả

²GS.TS. Viện Nghiên cứu Rau quả

³PGS. TS. Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam

⁴TS. Viện Nghiên cứu Rau quả

⁵Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Bắc Trung bộ

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

1. Khả năng sinh trưởng của một số giống thanh long

Giống thanh long ruột đỏ có khả năng sinh trưởng tốt trong điều kiện miền Bắc, trong tự giống

thanh long ruột trắng.

Trong một năm có 4 đợt cành. Số cành/trụ/năm ở các giống thay đổi nhiều qua các năm nhưng chiều dài cành và đường kính cành ở các giống có kích thước tương đối ổn định (bảng 1).

Bảng 1. Khả năng sinh trưởng của các giống thanh long

Địa điểm	Tên giống	Chỉ tiêu theo dõi									
		Số cành/trụ/năm (cánh)			Chiều dài cành (cm)			Đường kính cành (cm)			Số đợt lộc/năm (đợt)
		2005	2006	2007	2005	2006	2007	2005	2006	2007	
Gia Lâm	TL1	38,0	47,3	62,8	30,4	31,2	30,2	6,6	6,6	6,7	4
	TL2	30,7	36,7	45,4	33,1	29,8	35,3	6,5	6,3	6,4	4
Thạch Thất	TL1	41,1	49,5	60,6	31,7	32,7	32,2	6,6	6,5	6,5	4
	TL2	37,5	43,2	51,8	32,4	30,5	31,2	6,6	6,3	6,3	4
Phủ Quỳ	TL1	33,7	40,0	55,2	32,7	32,1	32,4	6,5	6,6	6,7	4
	TL2	30,5	35,4	43,7	32,0	30,5	31,2	6,3	6,4	6,3	4
Lập Thạch	TL1	15,4	23,4	35,8	31,5	32,4	30,3	6,7	6,6	7,2	4
	TL2	12,6	23,0	31,5	31,5	31,4	28,7	6,6	6,5	6,5	4

Bảng 2. Khả năng ra hoa, đậu quả và năng suất của các giống thanh long

Tên giống	Địa điểm	Năm theo dõi	Số đợt hoa/năm (đợt)	Tổng số hoa/năm (hoa)	Thời gian từ nở hoa đến thu hoạch (ngày)	Tỷ lệ đậu quả (%)	Năng suất (tấn/ha)
TL1	Gia Lâm	2005	12	134,5	30-40	82,0	16,4
		2006	12	168,8	30-40	83,1	17,2
		2007	12	213,8	30-40	82,5	18,5
	Thạch Thất	2005	12	145,7	30-40	92,3	18,3
		2006	12	163,9	30-40	93,7	18,5
		2007	12	197,4	30-40	91,7	20,1
	Phủ Quỳ	2005	12	157,3	27-40	84,7	15,2
		2006	12	178,7	27-40	85,5	16,7
		2007	12	191,5	30-40	88,7	17,3
	Lập Thạch	2005	12	47,9	30-40	72,8	4,5
		2006	12	56,5	30-40	75,0	9,4
		2007	12	87,8	27-40	73,5	15,7
TL2	Gia Lâm	2005	6	72,2	30-40	75,3	11,5
		2006	6	80,5	30-40	77,4	12,4
		2007	6	87,3	30-40	75,5	13,5
	Thạch Thất	2005	6	37,0	30-40	56,2	6,1
		2006	6	40,2	30-40	69,5	7,8
		2007	6	53,8	30-40	71,4	7,9
	Phủ Quỳ	2005	6	44,8	30-40	70,4	3,4
		2006	6	60,4	30-40	72,7	4,9
		2007	6	77,5	30-40	71,5	5,2
	Lập Thạch	2005	6	21,2	30-40	77,8	3,8
		2006	6	23,1	30-40	75,4	3,6
		2007	6	45,4	30-40	78,9	4,3

2. Khả năng ra hoa, đậu quả và năng suất của thanh long ruột đỏ

Ở các vùng sinh thái khác nhau, số đợt hoa ở giống thanh long ruột đỏ (TL1) nhiều gấp đôi giống

đôi chứng (thanh long ruột trắng - TL2), ra 12 đợt hoa/năm, trong khi đó giống TL2 chỉ có 6 đợt hoa/năm. Thời gian từ khi nở hoa đến khi thu hoạch của 2 giống tương tự nhau.

Nhưng giống TL1 có tỷ lệ đậu quả tương ở các năm khảo nghiệm đều đạt trên

80%, cao hơn giống TL2 (chỉ dưới 80%) và năng suất cũng cao hơn.

Năm 2007 năng suất giống thanh long ruột đỏ đạt từ 15,7 - 20,1 kg/trụ, trong khi đó giống thanh long ruột trắng chỉ đạt từ 4,3 -13,5 kg/trụ trong cùng điều kiện khảo nghiệm .

3. Một số đặc điểm về quả của các giống thanh long

Bảng 3. Một số đặc điểm đánh giá quả ở các giống thanh long

Giống	Đặc điểm quả	Khối lượng quả (g)	Kích thước quả (cm)		Đầy vỏ (cm)
			Đường kính	Chiều cao	
TL1	- Quả hình tròn - Vỏ quả màu đỏ thẫm, nhẵn, bóng. - Thịt quả màu đỏ thẫm	279,52 ±2,75	7,52 ±0,40	9,50 ±0,85	0,24 ±0,04
TL2	- Quả hình tròn hơi dài - Vỏ quả màu đỏ, nhẵn, bóng. - Thịt quả màu trắng đục.	251,17 ±6,37	7,03 ±0,08	10,23 ±0,72	0,23 ±0,03

Nhìn chung, hình dáng và màu sắc vỏ quả của hai giống ruột đỏ và ruột trắng gần tương tự nhau, kể cả về chiều cao, đường kính và độ dày vỏ quả. Tuy nhiên về khối lượng quả, giống TL1 cao hơn, đạt 279,52 g, giống TL2 chỉ đạt 251,17 g (bảng 3). Về một số chỉ tiêu chất lượng quả kết quả phân tích (bảng 4) cho thấy: Tổng hàm lượng các chất rắn hoà tan (độ Brix), đường tổng số, carotin của thanh long ruột đỏ cao hơn thanh long ruột trắng. Các chỉ tiêu trên lần lượt của thanh long ruột đỏ là: 17,02, 10,78, 1,64; của thanh long ruột trắng là: 15,38, 9,21 và 0,03.

TESTED RESULT OF RED INTESTINE DRAGON FRUIT IN THE NORTH

Nguyen Thi Thu Huong, Tran Van Lai, Vu Manh Hai Ngo Hong Binh, Do Dinh Ca, Nguyen Van Nghiem, Bui Quang Dang, Nguyen Quoc Hieu etal
Summary

Dragon fruit is one of the fruits which has high value of export and high economic efficiency, particularly red intestine dragon fruit, one new variety is being big requirement on the both export and domestic markets. The tested result of red intestine dragon fruit in some North locals showed that they have expression of good adaptability to climate condition, not only give growth well but also give high yield and good quality more than white dragon fruit. In the year 2007, yield of red intestine intestine dragon fruit range of 15.7 to 20.1 kg/pillar/year; but of white intestine dragon fruit only from 4.3 to 13.5 kg/ pillar/year in the same condition of testing.

Key words: Red intestine dragon fruit, economic efficiency, variety

Người phản biện: GS. VS. TSKH. Trần Đình Long

Bảng 4. Một số chỉ tiêu phẩm chất quả ở các giống thanh long

Giống	Brix (%)	Đường tổng số (%)	Vitamin C (mg/100g)	Carotin (mg/100g)	Chất khô (%)	Tỷ lệ phần ăn được (%)
TL1	17,02	10,78	9,75	1,64	17,50	85,22
TL2	15,38	9,21	10,20	0,03	17,02	85,13

IV. KẾT LUẬN

Giống thanh long ruột đỏ hoàn toàn có khả năng thích nghi với điều kiện khí hậu miền Bắc, chúng không chỉ sinh trưởng tốt tương tự giống thanh long truyền thống ruột trắng mà còn cho năng suất, chất lượng quả cao hơn. Năng suất thanh long ruột đỏ năm 2007 đạt từ 15,7 - 20,1 kg/trụ, thanh long ruột trắng chỉ đạt từ 4,3 -13,5 kg/trụ trong cùng điều kiện khảo nghiệm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lâm Minh Bồng (1999). *Cây thanh long và quy trình chăm sóc bảo quản*, Bản dịch từ tiếng Trung Quốc.
2. Trương Thị Đẹp (2000). *Xác định các chất tăng trưởng và các sản phẩm do quang kỳ ngày dài tạo ra để tạo hoa cho cây thanh long*, Luận văn tiến sĩ. Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Nguyễn Trịnh Nhất Hằng (1995). Kết quả điều tra kinh tế - kỹ thuật cây thanh long ở Chợ Gạo - Tiền Giang. *Tạp chí Nông nghiệp và Công nghiệp Thực phẩm*, số 399 tháng 9/1995, Kết quả nghiên cứu của Trung tâm Cây ăn quả Long Định.
4. Vũ Công Hậu (1996). *Trồng cây ăn quả ở Việt Nam*. Nhà xuất bản Nông nghiệp thành phố Hồ Chí Minh, 1996, trang 423 - 426.